

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lon

Bà Trần Thị Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 516/2019/TLST- HNGĐ ngày 16/12/2019, về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXX-ST ngày 10/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐ-ST ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Nhã Lệ T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số 384/58/15 Lý Thái T, phường 10, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1983

Nơi cư trú: TDP Hà T 1, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2019, bản tự khai ngày 24/12/2019 nguyên đơn bà Lý Nhã Lệ T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Nhã Lệ T và ông Nguyễn Đức C tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 27/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về tính cách lẫn quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức C

Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung tên là Nguyễn Đức K, sinh ngày 26/5/2012. Khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu K cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và hoàn cấp dưỡng nuôi con đối với ông C.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Đức C đến tòa để giải quyết vụ án nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của ông C.

Tại biên bản xác minh ngày 28/02/2020, Đại diện Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N cung cấp như sau: Giữa bà T và ông C có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về tính cách lẫn quan điểm trong cuộc sống. Con chung hiện sống với bà T ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Đức C có địa chỉ tại tổ dân phố Hà T 1, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Nên Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa thụ lý là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lý Nhã Lệ T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Đức C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

[2.1] Về nội dung:

Việc kết hôn giữa bà Lý Nhã Lệ T và ông Nguyễn Đức C tuân thủ đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời bà T và ông C chung sống và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, theo

giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 27/12/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về tính cách lẫn quan điểm trong cuộc sống. Ông C và bà T đã sống ly thân. Đến nay, tình cảm của bà T đối với ông C không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông C. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông C không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đối với yêu cầu ly hôn của bà Lý Nhã Lệ T đối với ông Nguyễn Đức C là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung tên là Nguyễn Đức K, sinh ngày 26/5/2012, hiện con chung đang sống cùng với bà T. Nguyên vọng của bà T sau khi ly hôn là được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Đức K, sinh ngày 26/5/2012 và hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông C. Xét thấy bà T có công việc làm và thu nhập ổn định, con chung đang sinh sống cùng mẹ, nguyên vọng của cháu K là muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho cháu, chấp nhận đề nghị của bà T, giao con chung là cháu Nguyễn Đức K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Nhã Lệ T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lý Nhã Lệ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228. Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Lý Nhã Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 26/5/2012 cho bà Lý Nhã Lệ T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

Bà T hoãn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Nhã Lệ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lý Nhã Lệ T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0009103 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lý Nhã Lệ T và ông Nguyễn Đức C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm hôn nhân gia đình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi Cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND p. Ninh Đa (GKH số 103/2011)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhất Anh